

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/4/2017

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phụng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Ông Danh Thi**

2. Bà Trần Thanh Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Trọng Nguyễn**

Đại diện Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-DS ngày 28/03/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Quyền Tr**, sinh năm 1991 (có mặt)

Bị đơn: Anh **Danh C**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ Tr, xã VB B, huyện VT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017 và bản tự khai tại Tòa án, Nguyên đơn chị Tr trình bày: chị và anh Danh C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 2014, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, cự cãi nhau. Đến tháng 02/2016 thì vợ chồng chị ly thân cho đến nay. Nay chị Tr xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Tr và anh C không có con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh chị cũng không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 07/03/2017, bị đơn anh Danh C trình bày: Vợ chồng anh được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh C và chị Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Tr không có con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh chị cũng không nợ ai.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Tr trình bày: Về hôn nhân: chị Tr xin ly hôn với anh C; Về con chung: Không có con; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh C: Vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Danh C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Tr và anh C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014, nhưng anh và chị không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh và chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: chị Tr và anh C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, việc sống chung không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn. Nhưng việc anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị Tr có yêu cầu ly hôn, anh C thống nhất ly hôn, HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Quyền Tr với anh Danh C

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Tr chịu toàn bộ là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Quyền Tr với anh Danh C

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Tr chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004186 ngày 01/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận (Do bà Lý Thị M nộp thay).

5. Nguyên đơn chị Trần Quyền Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2017); bị đơn anh Danh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Phụng

